

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bé.

Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018. Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cửa hàng vật liệu xây dựng T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phước L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà N và ông H có mặt. Ông Trần Phước L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 17/8/2001 (Giấy đăng ký kết hôn số 16, quyển số 01). Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về la mắng bà và các con vô cớ. Vì vậy bà N và ông H đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông H có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thanh N1 (sinh ngày 15/5/2002) và Nguyễn Thành T (sinh ngày 28/7/2005). Hiện nay, cháu N1 và cháu T đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 và cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, không có ý kiến gì thêm

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà N chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T đúng như lời trình bày của bà N. Ông và bà N có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thanh N1 (sinh ngày 15/5/2002) và Nguyễn Thành T (sinh ngày 28/7/2005). Hiện nay, cháu N1 và cháu T đang sống với bà N. Hiện nay, do vẫn còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi hai con chung là N1 và T, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ông H trình bày còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng của cửa hàng vật liệu xây dựng T số tiền là 2.470.000đ, ông đồng ý trả số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước L vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2018, ông L trình bày đối với số tiền nợ mua vật liệu xây dựng của ông H ông không khởi kiện trong vụ án này, nếu sau này phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng

theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn ông Nguyễn Văn H hiện nay đang trú tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 17/8/2002; do đó hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp

Sau khi kết hôn, theo bà N trình bày thì vợ chồng đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc tuy nhiên sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do vì ông H hay uống rượu, la mắng vợ con vô cớ, không quan tâm đến gia đình mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H vẫn không nghe.

Tại phiên Tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của bà N thì giữa vợ chồng có sự bất hòa và đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được. Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông H có hai người con chung là Nguyễn Thị Thanh N1 (sinh ngày 15/5/2002) và Nguyễn Thành T (sinh ngày 28/7/2005). Hiện nay, cháu N1 và cháu T đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1 và cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu N1 và cháu T sống chung với bà N, ông H đang đi làm thuê, thu nhập không ổn định; mặt khác nguyện vọng của hai cháu là được sống với bà N. Do đó, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu, căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N1 và cháu T cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà N không yêu cầu).

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông H đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N trình bày không có. Ông H cho rằng có nợ tiền mua vật liệu xây dựng của cửa hàng vật liệu xây dựng T số tiền là 2.470.000đ, ông đồng ý trả số tiền này. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2018 ông L trình bày đối với số tiền nợ mua vật liệu xây dựng của ông H ông không khởi kiện, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Thanh N1 (sinh ngày 15/5/2002)** và **Nguyễn Thành T (sinh ngày 28/7/2005)** cho bà Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu N1 và cháu T đang sống với bà N. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà N không yêu cầu).

Ông Nguyễn Văn H được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu N1 và cháu T, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có.

4/ Về nợ chung: Do ông L là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng T không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số BG/2015 0003670, quyển số 0000074 ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang